

CHÍNH PHỦ
Số: 160/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc mở, đóng cảng biển, hoạt động hàng hải, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam, nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, vệ sinh, trật tự và phòng ngừa ô nhiễm môi trường ở những khu vực đó.

Cảng biển quy định tại Nghị định này không bao gồm cảng quân sự chỉ phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh và cảng cá chỉ phục vụ cho hoạt động nghề cá nằm ngoài vùng nước cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này được áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoạt động tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

1. Khi hoạt động tại cảng biển và khu vực hàng hải của Việt Nam, mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định này, pháp luật Việt Nam, các Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

2. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

3. Trong trường hợp có sự khác nhau về cùng một nội dung điều chỉnh giữa quy định của Nghị định này với quy định hiện hành của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành, thì áp dụng theo quy định của Nghị định này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu :

1. "Cảng biển" là cảng mở ra cho tàu thuyền ra, vào hoạt động và được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. "Cầu cảng" là một bộ phận của cảng biển, nơi tàu thuyền neo đậu bốc, dỡ hàng hoá, đón trả hành khách hoặc thực hiện các dịch vụ hàng hải khác.

3. "Cảng dầu thô ngoài khơi" là cảng biển gồm khu vực tàu chứa dầu thô neo đậu làm kho nổi và các vùng nước có liên quan mà tàu thuyền được phép ra, vào hoạt động.

4. "Luồng ra, vào cảng" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển từ phao số " 0 " vào đến cảng mà tàu thuyền được phép qua lại.

5. "Vùng đón trả hoa tiêu" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển để tàu thuyền neo đậu đón trả hoa tiêu.

6. "Vùng kiểm dịch" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển để tàu thuyền neo đậu thực hiện kiểm dịch.

7. "Vùng tránh bão" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển để tàu thuyền neo đậu tránh bão.

8. "Vùng neo đậu" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để tàu thuyền chờ cập cầu, vào khu chuyển tải, cập tàu chứa dầu thô, quá cảnh đi Că-m-pu-chia hoặc thực hiện các dịch vụ hàng hải liên quan khác.
9. "Khu chuyển tải" là phần giới hạn thuộc vùng nước cảng biển để tàu thuyền neo đậu thực hiện chuyển tải hàng hoá, hành khách.
10. "Luồng quá cảnh" là phần giới hạn thuộc khu vực hàng hải trên sông Tiền, từ vùng đón trả hoa tiêu của cảng biển Vũng Tàu đến biên giới trên sông giữa Việt Nam và Că-m-pu-chia mà tàu thuyền nước ngoài được phép quá cảnh.
11. "Tàu thuyền" bao gồm tàu biển và phương tiện thủy khác.
12. "Chủ tàu" là chủ sở hữu tàu hoặc người quản lý hoặc người khai thác tàu thuyền hoặc người được ủy quyền.

Chương II

ĐÓNG, MỞ CẢNG BIỂN, CẦU CẢNG

Điều 5. Mở cảng biển, cầu cảng

1. Việc mở cảng biển, cầu cảng phải phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được phép đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác cảng biển theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) đều có thể mở cảng biển, cầu cảng.
3. Việc chuẩn bị đầu tư xây dựng và thực hiện đầu tư xây dựng dự án mở cảng biển, cầu cảng của chủ đầu tư phải tuân thủ theo quy định có liên quan của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng.

Điều 6. Thủ tục mở cảng biển

1. Chuẩn bị và thực hiện đầu tư xây dựng cảng biển :
 - a) Đối với dự án mở cảng biển, ngoài những thủ tục theo quy định có liên quan của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, khi chuẩn bị đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Nội dung văn bản phải nêu rõ sự cần thiết, địa điểm, quy mô, vùng đón trả hoa tiêu, luồng ra vào

cảng và mục đích sử dụng của cảng biển. Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của chủ đầu tư, các cơ quan quy định tại khoản này căn cứ chức năng, nhiệm vụ phải có văn bản trả lời cho chủ đầu tư; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Chủ đầu tư chỉ thực hiện các bước tiếp theo đối với việc đầu tư xây dựng cảng biển sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

b) Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải bản sao Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật công trình cảng. Khi tiến hành đầu tư xây dựng cảng biển, chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng. Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức giám sát việc thực hiện xây dựng cảng biển của chủ đầu tư, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và bảo đảm an toàn hàng hải tại khu vực đó.

2. Công bố mở cảng biển :

a) Sau khi hoàn thành việc xây dựng cảng biển, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam các giấy tờ sau đây :

- Văn bản xin công bố mở cảng biển có nội dung : tên cảng, vị trí, vùng đón trả hoa tiêu, loại tàu thuyền và giới hạn trọng tải của tàu biển được phép ra, vào hoạt động;
- Bản sao Quyết định đầu tư xây dựng cảng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- Biên bản nghiệm thu cuối cùng để đưa công trình cảng đã hoàn thành xây dựng vào sử dụng có kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chính và mặt cắt ngang công trình cảng. Riêng đối với cảng dầu thô ngoài khơi thì không kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chính và mặt cắt ngang công trình cảng;
- Biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và các cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền về kết quả khảo sát mặt đáy vùng nước trước cầu cảng (riêng đối với cảng dầu thô ngoài khơi không cần nội dung này);
- Thông báo hàng hải về luồng ra, vào cảng và vùng nước trước cầu, cảng kèm theo bình đồ. Riêng với cảng dầu thô ngoài khơi, thông báo hàng hải về vùng an toàn khu vực cảng dầu thô ngoài khơi;

- Văn bản chứng nhận công trình cảng biển đạt tiêu chuẩn môi trường của cơ quan có thẩm quyền;
- Văn bản chứng nhận công trình cảng biển đủ điều kiện phòng chống cháy, nổ của cơ quan có thẩm quyền;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với dự án đầu tư xây dựng cảng biển.

b) Quyết định công bố mở cảng biển thực hiện như sau :

- Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ hợp lệ quy định tại điểm a của khoản này, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị cho phép công bố mở cảng biển. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định việc công bố mở cảng biển;
- Quyết định công bố mở cảng biển phải nêu rõ các nội dung chính : tên, vị trí, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch của cảng biển; loại tàu thuyền và giới hạn trọng tải của tàu biển được phép ra vào hoạt động. Riêng đối với cảng dầu thô ngoài khơi, nội dung Quyết định công bố mở cảng phải nêu thêm : giới hạn vùng an toàn khu vực cảng dầu thô ngoài khơi và các yêu cầu về bảo đảm an toàn hàng hải hoặc những hướng dẫn hàng hải khác đối với hoạt động của tàu thuyền.

Điều 7. Thủ tục mở cầu cảng, khu chuyển tải

1. Chuẩn bị và thực hiện đầu tư xây dựng cầu cảng, khu chuyển tải :

a) Khi chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị việc đầu tư xây dựng cầu cảng hoặc khu chuyển tải có kèm theo bản vẽ bình đồ mặt bằng bố trí cầu cảng, vùng nước trước cầu cảng và luồng ra, vào cảng hoặc bình đồ bố trí khu chuyển tải đó. Nội dung văn bản nêu rõ sự cần thiết, vị trí, quy mô và mục đích sử dụng của cầu cảng, khu chuyển tải. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của chủ đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời chủ đầu tư, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.